

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/DS-ST

Ngày 25-4-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tăng Tài Thủ

2/ Bà Thái Ánh Trinh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 297/2021/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXX-ST ngày 21/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K

Địa chỉ: đường P, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Hoàng K, chức danh: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Cần Thơ.

Địa chỉ: đường Đ, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Văn bản ủy quyền ngày 22/01/2021.

Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Hiếu T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2022

Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975 (*vắng mặt lần thứ 2 không lý do*)

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:

1. Phạm Hiếu Tr, sinh năm 1987 (*có mặt*)

Địa chỉ: đường Đ, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1972 (*đề nghị vắng mặt*)

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với anh Nguyễn Văn T có ký 02 hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng 1: hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 về việc ngân hàng cho ông Trung vay số tiền 150.000.000đ, loại thẻ visa Gold, với số tài khoản lương tại K 6055503.

Mục đích vay tiêu dùng.

Lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ là 22%/năm.

Lãi suất quá hạn là 3.5%/tháng, phí phạt chậm trả là 3.5%/tháng, phí vượt hạn mức 0.075%/ngày. Theo thỏa thuận hàng tháng ông Trung phải thanh toán cho ngân hàng tiền gốc và tiền lãi vào ngày 04 nhưng quá ngày 04 ông T không thanh toán (gốc + lãi) số tiền vượt quá hạn mức được cấp thì ngân hàng sẽ phạt phí vượt hạn mức.

Lãi suất trên không ghi cụ thể thỏa thuận trên hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 mà được thể hiện cụ thể trong quyết định số 3184 ngày 26/10/2016 về sửa đổi, bổ sung phụ lục 4 của QĐ số 1469/QĐ NHK ngày 15/5/2015 của Tổng giám đốc về việc ban hành biểu phí dịch vụ của ngân hàng TMCP K, quyết định số 3191 ngày 26/10/2016 về ban hành biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đồng và đô la Mỹ tại ngân hàng Kiên Long và QĐ số 1750/QĐ-NHK ngày 10/11/2021 về ban hành hạn mức, biểu phí dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử của ngân hàng TMCP K.

Thời hạn vay theo hợp đồng là 36 tháng. Vay theo hình thức không có tài sản đảm bảo.

Phương thức trả nợ theo quy định của ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế. Cụ thể trả vào ngày 04 hàng tháng.

Ngày 12/6/2017 ông T đề nghị thay đổi hạn mức lên 200.000.000đ, loại thẻ visa Platinum và được chấp nhận tăng hạn mức.

Trong thời gian sử dụng thẻ ông T vi phạm hợp đồng nhiều lần và ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở sau đó ông T có thanh toán cho ngân hàng cho đến ngày 05/01/2020 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến nay.

Tính đến ngày 02/3/2022 ông T nợ gốc 132.504.982đ, lãi: 136.915.912đ, lãi chậm trả: 26.003.433đ, phí phạt vượt hạn mức: 32.642.927đ. Tổng số tiền ông T phải thanh toán là: 328.067.254đ

Hợp đồng 2: Ngày 03/7/2017 giữa ngân hàng với anh T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 240/17/HĐTD/0400-4139 về việc ngân hàng cho vay số tiền 40.000.000đ vay thấu chi, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng (03/7/2017 – 03/7/2018). Mục đích vay tiêu dùng.

Lãi suất trong hạn 9.8%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng lãnh lãi cuối kỳ của ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất (+) biên độ 2,7%/năm.

Lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiền lãi thấu chi được thu vào ngày 03 hàng tháng và vào ngày đến hạn của khoản vay bằng cách ghi nợ tự động tài khoản tiền gửi thanh toán vào cuối ngày. Trường hợp số dư trên tài khoản tiền gửi không đủ để trả lãi và phí thì phải nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Thu nợ gốc được trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản của bên vay và được ngân hàng tự động hạch toán thu nợ. Trường hợp bên vay bị chấm dứt thời hạn cấp hạn mức thấu chi theo hợp đồng thì nợ gốc được trả vào ngày chấm dứt hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm, đến nay nợ gốc và nợ lãi chưa trả cho ngân hàng.

Tính đến ngày 02/3/2022 bị đơn còn nợ ngân hàng nợ gốc: 34.467.886đ, nợ

lãi trong hạn: 68.086đ, nợ lãi quá hạn: 19.521.194đ, lãi chậm trả lãi: 24.959đ. Tổng cộng: 54.082.125đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 02/3/2022 đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 nợ gốc 132.504.982đ, nợ lãi: chưa thanh toán 136.915.912đ, phạt chậm trả chưa thanh toán: 26.003.433đ, phí phạt vượt hạn mức: 32.642.927đ. Tổng số tiền ông Trung phải thanh toán là: 328.067.254đ, hợp đồng số 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 nợ gốc: 34.467.886đ, nợ lãi trong hạn: 68.086đ, nợ lãi quá hạn: 19.521.194đ, phạt chậm trả: 24.959đ. Tổng cộng: 54.082.125đ. Tổng cộng của hai hợp đồng: 382.149.379đ.

Hiện nay ngân hàng cũng không biết ông T đang ở đâu vì ông T không có thông báo cho ngân hàng địa chỉ mới và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngân hàng cũng không yêu cầu giám định chữ ký, lý do ông T vay tiền của ngân hàng thì có lập hợp đồng rõ ràng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi ý kiến cho Tòa án về việc thụ lý vụ án và cũng không ghi nhận được ý kiến của ông.

1. Người làm chứng Phạm Hiếu Tr trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2022.

Ông và ông Nguyễn Văn T không có mối quan hệ thân tộc và cũng không có mâu thuẫn nhau. Ông hiện là nhân viên của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K, giữ chức vụ Trưởng phòng kinh doanh. Việc ông T vay tiền của ngân hàng ông có biết. Lý do thời điểm đó bị đơn T cũng là nhân viên của ngân hàng giữ chức vụ Giám đốc phòng giao dịch O có hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của ngân hàng, nên ngày 06/12/2016 ngân hàng có tổ chức họp hội đồng tín dụng và ông có tham gia họp hội đồng tín dụng về việc cấp thẻ tín dụng đối với khách hàng Nguyễn Văn T tại Ki – Chi nhánh Cần Thơ và tham gia họp hội đồng tín dụng ngày 19/6/2017. Kết quả của cuộc họp ngày 06/12/2016 đã thông qua việc cấp tín dụng hạn mức: 150.000.000đ, hạn thẻ: Visa Gold, loại tiền: Việt Nam đồng, tài sản đảm bảo: tín chấp, thời gian duy trì, phương thức trả nợ, lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng. Kết quả cuộc họp ngày 19/6/2017 cũng thông qua việc cấp tăng hạn

mức thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo với hạn mức tín dụng 200.000.000đ, hạng thẻ: Visa Platinum. Ngày 03/7/2017 ông T tiếp tục vay thấu chi số tiền 40.000.000đ.

Hiện nay nợ gốc ông T còn nợ đối với khoản vay sử dụng thẻ 132.504.982 đồng và số tiền nợ gốc của vay thấu chi là 34.467.886đ và lãi phát sinh. Vào thời gian năm 2016 ông cũng giữ chức vụ Trưởng phòng kinh doanh chi nhánh Cần Thơ. Hồ sơ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Nguyễn Văn T và vay thấu chi hạn mức 40.000.000đ do ông là người kiểm soát hồ sơ.

2. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2022.

Nguyễn Văn T là em ruột của bà, vẫn còn chung hộ khẩu tại địa chỉ: khu vực L, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ nhưng hiện nay không có ở nhà và đi đâu, làm gì cũng không biết do không có thông báo với gia đình. Việc T vay tiền của ngân hàng như thế nào, số tiền bao nhiêu bà cũng không biết

Bà đề nghị được vắng mặt trong tất cả giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án.

Tại biên bản xác minh của Tòa án lập ngày 27/01/2022: ông Nguyễn Văn T vẫn còn đăng ký thường trú tại khu vực L, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Hiện không còn ở địa phương khoảng 03 năm nay, nhưng không rõ đi đâu, làm gì vì không có trình báo với địa phương. Vợ ông T là Thái Mai T hiện cũng không sinh sống tại khu vực L, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa như sau:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 tính đến ngày 10/3/2022 nợ gốc 132.504.982đ, nợ lãi chưa thanh toán: 139.520.881đ, phạt chậm trả chưa thanh toán là 26.633.433đ, phạt vượt hạn mức: 35.161.056đ. Tổng cộng: 333.820.352đ. Do hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 nguyên đơn không thể tính lãi đến ngày xét xử, nên chỉ cung cấp phần lãi tính đến ngày 10/3/2022 và yêu cầu bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 11/3/2022 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Hợp đồng số 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 tính đến ngày xét xử 25/4/2022 nợ gốc: 34.467.886đ, nợ lãi trong hạn: 68.086đ, phạt chậm trả lãi 25.966đ, phạt chậm trả

gốc: 20.309.045đ. Tổng cộng: 54.870.983đ và còn phải chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 26/4/2022 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 tính đến ngày 10/3/2022 nợ gốc 132.504.982đ, nợ lãi: 139.520.881đ. Hợp đồng số 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 tính đến ngày 25/4/2022 nợ gốc: 34.467.886đ, nợ lãi trong hạn: 68.086đ, phạt chậm trả lãi: 25.966đ, phạt chậm trả gốc: 20.309.045đ.

Không chấp nhận đối với yêu cầu phạt chậm trả và phạt vượt hạn mức đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực L, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ vắng mặt tại nơi cư trú. Hiện nay ở đâu, chính quyền địa phương không biết, không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì ông T được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Toà án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định để ông T đến Toà án tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng ông T đều vắng mặt và vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử

căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn Trung.

[2] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ vay cho nguyên đơn tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh của hai hợp đồng. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 tính đến ngày 10/3/2022 nợ gốc 132.504.982đ, nợ lãi: 139.520.881đ, phạt chậm trả chưa thanh toán là 26.633.433đ, phạt vượt hạn mức: 35.161.056đ. Tổng cộng: 333.820.352đ. Hợp đồng số 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 tính đến ngày xét xử 25/4/2022 nợ gốc: 34.467.886đ, nợ lãi trong hạn: 68.086đ, phạt chậm trả lãi 25.966đ, phạt chậm trả gốc: 20.309.045đ. Tổng cộng: 54.870.983đ và yêu cầu bị đơn tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số: 0020/16/TC/0400-05827 ngày 29/11/2016 của ông Nguyễn Văn T, bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kbank. Qua đó Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 150.000.000đ, hạng thẻ Visa Gold cho ông T, ngày 12/6/2017 ông T đề nghị thay đổi hạn mức lên 200.000.000đ, loại thẻ visa Platinum và được chấp nhận tăng hạn mức. Mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 22%/năm được thể hiện cụ thể trong quyết định số 3191 ngày 26/10/2016 về ban hành biểu lãi suất cho vay bằng Việt Nam đồng và đô la Mỹ tại ngân hàng K.

[2.2] Hợp đồng tín dụng số: 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017, lãi suất 9.8%/năm. Lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét thấy, giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số hợp đồng: 0020/16/TC/0400-05827 ngày 29/11/2016 của ông Nguyễn Văn T, bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kbank và hợp đồng tín dụng số: 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 giữa Nguyễn Văn T với Ngân hàng TMCP K được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Mặc dù bị đơn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng căn cứ vào hoạt động tài khoản do ngân hàng cung cấp đã thể hiện ông T có sử dụng tiền vay thấu chi và sao kê giao dịch Posting thẻ credit (visa + JCB) đã thể hiện ông T có sử dụng số thẻ 403686 ****2118; 403686****4543 và số thẻ này ông T dùng để giao dịch. Quá trình thực hiện hai hợp đồng nêu trên ông T vi phạm, ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3] Về yêu cầu phạt chậm trả, phạt vượt hạn mức đối với hợp đồng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400-05827 ngày 29/11/2016 và phạt chậm trả lãi, phạt chậm trả gốc của hợp đồng tín dụng số: 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì nguyên đơn yêu cầu phạt chậm trả và phạt vượt hạn mức đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KienLongbank số 0020/16/TC/0400-05827 ngày 29/11/2016 là không có cơ sở chấp nhận, đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi, chậm trả gốc của hợp đồng tín dụng số: 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: các đương sự phải chịu theo quy định.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 262, 264, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả số tiền vay cho nguyên đơn ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K tổng cộng 326.896.846đ (*ba trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng*), cụ thể:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 tính đến ngày 10/3/2022 nợ gốc 132.504.982đ (*một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm linh bốn nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng*), nợ lãi: 139.520.881đ (*một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm hai mươi nghìn, tám trăm tám mươi một đồng*). Tổng cộng: 272.025.863đ (*hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 11/3/2022 nếu bị đơn chậm trả số tiền trên còn phải chịu lãi suất tiếp theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kbank số: 0020/16/TC/0400-05827 ngày 29/11/2016; quyết định số 3191 ngày 26/10/2016 về ban hành biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ tại ngân hàng TMCP Kiên Long các bên đã giao kết đến khi thanh toán dứt nợ.

Hợp đồng số 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 tính đến ngày 25/4/2022 nợ gốc: 34.467.886đ (*ba mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn: 68.086đ (*sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*), phạt chậm trả lãi: 25.966đ (*hai mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng*), phạt chậm trả gốc: 20.309.045đ (*hai mươi triệu, ba trăm linh chín nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng*). Tổng cộng 54.870.983đ (*năm mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 26/4/2022 nếu bị đơn chậm trả số tiền trên còn phải chịu lãi suất tiếp theo hợp đồng số: 240/17/HĐTD/0400-4139 ngày 03/7/2017 các bên đã giao kết đến khi thanh toán dứt nợ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền phạt chậm trả 26.633.433đ (*hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng*) và phạt vượt hạn mức 35.161.056đ (*ba mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng*) của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KBank số 0020/16/TC/0400 – 05827 ngày 29/11/2016 đối với bị đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Văn T phải nộp số tiền là 16.345.000đ (*mười sáu triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn phải chịu án phí 3.090.000đ (*ba triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*) đối với yêu cầu phạt chậm trả và phạt vượt hạn mức không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí là 7.880.000đ (*bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004096, ngày 29/10/2021, nguyên đơn được nhận lại số tiền 4.790.000đ (*bốn triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, Tp Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án (trích sao án), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA dân sự quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Khúc Thị Hồng

